

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày: 18-01-2021
V/v tranh chấp dân sự “Thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Trong các 12, 13, 14, 15 và ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 604/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2019 về tranh chấp “Thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phi Y, sinh năm: 1984, địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu M, trú tại: phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hữu M và thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Đại D, sinh năm: 1989, địa chỉ cư trú: Đường F, Phường G, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Kim Y, sinh năm: 1986, địa chỉ cư trú: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Phi Y, trú tại: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là

người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 31634 ngày 03 tháng 12 năm 2019) (Có mặt).

3.2 Ông Nguyễn Đại P, sinh năm: 1994, địa chỉ cư trú: Đường F, Phường G, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3.3 Bà Nguyễn Trần Mộng T, sinh năm: 1975, địa chỉ cư trú: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Hải N, trú tại: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 021519 ngày 12 tháng 12 năm 2019) (Có mặt).

3.4 Ông Nguyễn Trần L, sinh năm: 1974, địa chỉ cư trú: Đường H, Phường I, quận C (Có đơn xin vắng mặt).

3.5 Bà Lê Thị Thu C, sinh năm: 1960, địa chỉ cư trú: Đường F, Phường G, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

3.6 Ông Đỗ Đình Â, sinh năm: 1953, địa chỉ: Phường K, thành phố M, tỉnh Bình Định (Có đơn xin vắng mặt).

3.7 Bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1963, địa chỉ: Phường K, thành phố M, tỉnh Bình Định (Có đơn xin vắng mặt).

3.8 Ông Đỗ Văn G, sinh năm: 1968, địa chỉ: Phường K, thành phố M, tỉnh Bình Định (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, nguyên đơn: Bà Phi Y trình bày: Cha của bà là Nguyễn Văn H1 và mẹ của bà là Đỗ Thị Thu H2 sống chung với nhau có 02 người con là bà và bà Nguyễn Kim Y.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn H1 sống chung với bà Trần Thị Vân C có 02 người con là bà Nguyễn Trần Mộng T và ông Nguyễn Trần L.

Ông Nguyễn Văn H1 sống chung với bà Lê Thị Thu C có 02 người con là ông Nguyễn Đại D và ông Nguyễn Đại P.

Ông H1 chết ngày: 15/4/2018 và bà H2 chết ngày: 30/11/1986 đều không để lại di chúc. Bà C chết ngày: 22/5/2012.

Cha của ông H1 là cụ Nguyễn N, chết năm: 1964 và mẹ của ông H1 là cụ Ngô Thị K, chết ngày: 28/8/2004.

Cha của bà H2, ông Đỗ Đình Â, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Văn G là cụ Đỗ H3, chết năm 2011 và mẹ của bà H2, ông Đỗ Đình Â, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Văn G là cụ Nguyễn Thị H4, chết năm 1977. Ông Đỗ Đình Â cùng với bà Đỗ Thị H và ông

Đỗ Văn G đều có đơn từ chối nhận di sản thừa kế của cụ Đỗ H3. Ngoài ra, cha và mẹ của cụ Đỗ H3 cũng đã chết trước cụ Đỗ H3.

Ông H1 và bà H2 chết để lại di sản thừa kế cho các đồng thừa kế gồm: Bà Nguyễn Phi Y, bà Nguyễn Kim Y, ông Nguyễn Đại D, ông Nguyễn Đại P, bà Nguyễn Trần Mộng T và ông Nguyễn Trần L. Di sản thừa kế là căn nhà số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12750/2004 do Ủy ban nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2004. Bà yêu cầu chia di sản thừa kế với tỷ phần của bà được hưởng theo quy định pháp luật. Bà không yêu cầu được nhận nhà, yêu cầu bán chia theo tỷ lệ mỗi đồng thừa kế được hưởng.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, bị đơn: Ông D trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về những người được hưởng di sản thừa kế và căn nhà số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H1 và bà Đỗ Thị Thu H2 để lại và thống nhất chia cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 12 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, bà Kim Y có đại diện hợp pháp là bà Phi Y trình bày: Thống nhất với yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, ông P trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về những người được hưởng di sản thừa kế và căn nhà số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H1 và bà Đỗ Thị Thu H2 để lại và thống nhất chia cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật. Ông không nhận nhà.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, bà N là đại diện hợp pháp của bà T trình bày: Căn nhà số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H1 chết để lại nên được chia đều cho 06 người gồm: Bà Phi Y, bà Kim Y, ông D, ông P, bà T và ông L.

Tại phiên tòa, bà N trình bày: Căn nhà số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H1 và bà Đỗ Thị Thu H2 để lại nên đề nghị chia cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, ông L trình bày: Căn nhà số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H1 chết để lại nên được chia đều cho 06 người gồm: Bà Phi Y, bà Kim Y, ông D, ông P, bà Thu và ông L.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 02 năm 2020, bà C trình bày: Bà và ông H1 sống chung có 02 người con là Nguyễn Đại D và Nguyễn Đại P. Căn nhà số:

Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn H1 và bà Đỗ Thị Thu H2 nên bà không yêu cầu chia di sản thừa kế và từ chối nhận di sản thừa kế (Nếu có).

Trong đơn từ chối nhận di sản cùng ngày 25 tháng 9 năm 2020 của ông Đỗ Đình Ân, ông Đỗ Văn G và đơn từ chối nhận di sản ngày 29 tháng 9 năm 2020 của bà Đỗ Thị H trình bày cùng nội dung như sau: Cụ Đỗ H3 (Chết năm 2011) và cụ Nguyễn Thị H4 (Chết năm 1977) có 04 người là Đỗ Đình Ân, Đỗ Thị Thu H2 (Chết năm 1986), Đỗ Thị H và Đỗ Văn G. Do bà H2 chết trước cụ H3 nên cụ H3 được hưởng một phần di sản thừa kế của bà H2 để lại. Sau khi cụ H3 chết, phần di sản thừa kế do cụ H3 được nhận thừa kế từ bà H2 thì ông Ân, ông G và bà H đều từ chối nhận.

Tại phiên tòa, ông M là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Do ông Nguyễn Văn H1 và bà Đỗ Thị Thu H2 đều đã chết nên theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12750/2004 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2004 thì căn nhà số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông H1 và bà H2 vì đây là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H1 và bà H2 theo quy định tại khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông H1 và bà H2 đều đã chết và không để lại di chúc nên di sản thừa kế của ông H1 và bà H2 được chia theo pháp luật. Những người được hưởng di sản thừa kế gồm có bà Phi Y, bà Kim Y, ông D, ông P, bà T và ông L.

Căn cứ Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế cho các đồng kế thừa trên theo kỹ phần mà mỗi đồng kế thừa được nhận theo quy định của pháp luật.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Hội đồng xét xử, không còn cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Ông L, bà C, ông Ân, bà H, ông G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu được vắng mặt ở tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; quyết định đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn.

Hàng thừa kế của bà Đỗ Thị Thu H2 gồm Nguyễn Phi Y, Nguyễn Kim Y mỗi người nhận 3/18 giá trị của căn nhà Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn H1 gồm Nguyễn Phi Y, Nguyễn Kim Y, Nguyễn Trần Mộng T, Nguyễn Trần L, Nguyễn Đại D, Nguyễn Đại P mỗi người nhận 2/18 giá trị của căn nhà Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Thừa kế tài sản” theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại: Đường F, Phường G, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản tọa lạc tại Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Do đương sự: Ông L, bà C, ông Ân, bà H, ông G có yêu cầu được vắng mặt ở tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về thời hạn chuẩn bị xét xử là do vụ án có nhiều đương sự ở nhiều nơi, nhiều tình tiết phức tạp phải xác minh nhiều cơ quan khác nhau và tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp đó là trở ngại khách quan.

[2]. Xét yêu cầu của các đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Phi Y thấy rằng.

Căn cứ vào trích lục khai tử số: 376/TLKT-BS ngày 16/4/2018 của Ủy ban nhân dân Phường E, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và trích lục khai tử

số: 90/TLKT-BS ngày 21/02/2020 của Ủy ban nhân dân phường K, thành phố M, tỉnh Bình Định xác định được ông Nguyễn Văn H1 đã chết ngày 15/4/2018 và bà Đỗ Thị Thu H2 đã chết ngày 30/11/1986.

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 12750/2004 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 29/9/2004 ghi tên ông Nguyễn Văn H1 và bà Đỗ Thị Thu H2 xác định được di sản thừa kế của ông H1 và bà H2 để lại là căn nhà số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do ông H1 và bà H2 không để lại di chúc nên di sản thừa kế của ông và bà được chia theo pháp luật. Theo đó, $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế là của ông H1 và $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế còn lại là của bà H2.

Ông H1 có cha là cụ Nguyễn N, chết năm: 1964 và mẹ là cụ Ngô Thị K, chết ngày: 28/8/2004. Bà H2 có cha là cụ Đỗ H3, chết năm: 2011 và mẹ là cụ Nguyễn Thị Hay, chết năm: 1977.

Căn cứ giấy khai sinh số: 269, quyền số 01.87 ngày 06/7/1987 và bản sao giấy khai sinh số: 00300QH, quyền số 01/1987 ngày 06/7/1987 cùng của Ủy ban nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xác định được bà Nguyễn Phi Y và bà Nguyễn Kim Y là con của ông Nguyễn Văn H1 và bà Đỗ Thị Thu H2.

Căn cứ giấy khai sinh số: 139, quyền số 02/89 ngày 25/10/1989 và giấy khai sinh số: 193/94, quyền số 01 ngày 07/12/1994 cùng của Ủy ban nhân dân Phường E, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xác định được ông Nguyễn Đại P và ông Nguyễn Đại D là con của ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị Thu C.

Căn cứ trích lục khai sinh số: 2144/TLKS-BS ngày 18/11/2019 và giấy khai sinh số: 16, quyền số 01/92 ngày 03/01/1992 cùng của Ủy ban nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xác định được bà Nguyễn Trần Mộng và ông Nguyễn Trần L là con của ông Nguyễn Văn H1 và bà Trần Thị Vân C.

Do cha, mẹ của cụ H3 đã chết và 03 người con của cụ H3 là ông Ân, bà H, ông G còn sống nhưng đều từ chối hưởng di sản của cụ H3 nên $\frac{1}{2}$ di sản của H2 được chia cho ông H1, bà Phi Y và Kim Y mỗi người được hưởng $\frac{1}{2} : 3 = \frac{1}{6}$ (3/18).

Căn cứ bản sao giấy chứng tử số: 66/2012, quyền số: 01/2012 ngày 24/5/2012 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xác định được bà Trần Thị Vân C đã chết ngày 22/5/2012 và bà Lê Thị Thu C xác nhận căn nhà số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn H1 và bà Đỗ Thị Thu H2 đồng thời bà C cũng từ chối nhận di sản thừa kế (Nếu có) nên $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế của ông H1 và $\frac{1}{6}$ (3/18) được hưởng từ bà H2 chia cho 06 người con của ông H1 gồm: Bà Phi Y, bà Kim Y, ông D, ông P, bà T và ông L.

Như vậy, ông D, ông P, bà T và ông L mỗi người được hưởng $(\frac{1}{2} + \frac{1}{6}) = \frac{2}{3}$ giá trị di sản do ông H1 để lại tương đương với số tiền theo biên bản định giá ngày 20/5/2020 là $2.881.388.700 \times \frac{2}{3} = 3.841.851.333$ đồng.

Bà Phi Y và bà Kim Y mỗi người được hưởng $\frac{2}{3}$ giá trị di sản do ông H1 để lại và $\frac{1}{3}$ giá trị di sản do bà H2 để lại, tổng cộng là $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} = 1$ giá trị di sản tương đương với số tiền theo biên bản định giá ngày 20/5/2020 là $2.881.388.700 \times 1 = 2.881.388.700$ đồng.

[3]. Xét lời trình bày của ông L: Đề nghị chia đều di sản thừa kế là căn nhà số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho 06 người con của ông Nguyễn Văn H1 gồm: Bà Phi Y, bà Kim Y, ông D, ông P, bà T và ông L là không có cơ sở vì căn cứ vào quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà Phi Y và Kim Y mỗi người được hưởng $\frac{1}{3}$ bao gồm $\frac{2}{3}$ giá trị di sản do ông H1 để lại và $\frac{1}{3}$ giá trị di sản do bà H2 để lại; ông D, ông P, bà T và ông L mỗi người được hưởng $\frac{1}{3}$ giá trị di sản do ông H1 để lại như đã phân tích như trên.

Ngoài ra, không có đương sự trong vụ án yêu cầu được chia hay tính toán công sức cho việc quản lý di sản thừa kế cũng như là yêu cầu về các chi phí khác có liên quan đến di sản thừa kế nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Phi Y xác định căn nhà và đất tại số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 12750/2004 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 29/9/2004 là di sản thừa kế của của ông Nguyễn Văn H1 và bà Đỗ Thị Thu H2 để lại cho ông D, ông P, bà T và ông L mỗi người được hưởng $\frac{1}{3}$ giá trị di sản; Bà Phi Y và bà Kim Y mỗi người được hưởng $\frac{1}{3}$ giá trị di sản thừa kế nêu trên.

Do các đồng kế sự không có yêu cầu được nhận nhà và ông L đang thực tế sử dụng nhà nhằm để giữ cho hiện trạng sử dụng nhà được ổn định nên Hội đồng xét xử giao nhà cho ông L tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến khi Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản để chia cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ nêu trên.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D, ông P, bà T và ông L mỗi người được hưởng $\frac{1}{3}$ giá trị di sản thừa kế tương đương với số tiền 3.841.851.333 đồng nên phải chịu $3.841.851.333 \times 5\% = 192.092.566$ đồng.

Bà Kim Y được hưởng $\frac{1}{3}$ giá trị di sản thừa kế tương đương với số tiền 800.385.750 đồng nên phải chịu $36.000.000 + 385.750 \times 3\% = 36.011.573$ đồng.

Bà Phi Y được hưởng $\frac{1}{3}$ giá trị di sản thừa kế tương đương với số tiền 800.385.750 đồng nên phải chịu $36.000.000 + 385.750 \times 3\% = 36.011.573$ đồng, cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0025034 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, bà Phi Y phải nộp thêm 31.011.573 đồng.

Về chi phí định giá đối với căn nhà số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Phi Y tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 21, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phi Y.

1.1. Xác định căn nhà và đất tại số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 12750/2004 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 29/9/2004 là di sản thừa kế của của ông Nguyễn Văn H1 và bà Đỗ Thị Thu H2.

1.2 Ông Nguyễn Đại D, ông Nguyễn Đại P, bà Nguyễn Trần Mộng T và ông Nguyễn Trần L mỗi người được hưởng 2/18 giá trị di sản thừa kế tương đương với số tiền 320.154.300 (Ba trăm hai mươi triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn, ba trăm) đồng.

1.3 Bà Nguyễn Phi Y và bà Nguyễn Kim Y mỗi người được hưởng 5/18 giá trị di sản thừa kế tương đương với số tiền 800.385.750 (Tám trăm triệu, ba trăm tám mươi lăm ngàn, bảy trăm năm mươi) đồng.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự được hưởng di sản thừa kế có quyền yêu cầu phát mãi tài sản nhà và đất tại số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để chia thì 2/18 và 5/18 giá trị tài sản được tính toán theo tỷ lệ tương ứng với giá trị thực tế của tài sản được phát mãi. Số tiền phát mãi tài sản sau khi trừ các nghĩa vụ và chi phí thi hành án phát sinh thì ông Nguyễn Đại D, ông Nguyễn Đại P, bà Nguyễn Trần Mộng T và ông Nguyễn Trần L mỗi người được nhận phần giá trị tài sản của mình bằng 2/18 số tiền còn lại; Bà Nguyễn Phi Y và bà Nguyễn Kim Y mỗi người được nhận phần giá trị tài sản của mình bằng 5/18 số tiền còn lại.

1.4 Ông Nguyễn Trần L được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà số: Đường H, Phường I, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi Chi cục Thi hành án

dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản để chia cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ nêu trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông D, ông P, bà T và ông L mỗi người phải chịu 16.007.715 (Mười sáu triệu, bảy ngàn, bảy trăm mười lăm) đồng.

Bà Kim Y phải chịu 36.011.573 (Ba mươi sáu triệu, mười một ngàn, năm trăm bảy mươi ba) đồng.

Bà Phi Y phải chịu 36.011.573 (Ba mươi sáu triệu, mười một ngàn, năm trăm bảy mươi ba) đồng, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0025034 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, bà Phi Y phải nộp thêm 31.011.573 (Ba mươi một triệu, mười một ngàn, năm trăm bảy mươi ba) đồng.

Về chi phí định giá do bà Phi Y tự nguyện chịu.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mạnh Cường

